

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-ST
Ngày 05-8-2022
*“Về tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Giang
2. Ông Cao Văn Lô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-DS ngày 30/5/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Kim C, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1966; Ông Phùng Văn H, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị Kim C trình bày: Ngày 28/12/2016 (AL) bà C cho bà Ch ông H vay 175.000.000đ, thời hạn vay là ngày 28/12/2020 (AL). Mục đích vay sửa xe Kobe, lãi thỏa thuận 5% /tháng. Sau khi vay bà Ch ông H không trả gốc và lãi cho bà C. Bà C đã đòi nhiều lần nhưng không được. Nay bà C khởi

kiện yêu cầu ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị Ch liên đới trả cho bà Phùng Thị Kim C tiền gốc vay là 175.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày vay 28/12/2016 (AL) tức 25/01/2017 (DL) đến ngày nộp đơn khởi kiện 11/5/2022 là 187.179.000 đồng. Đồng thời tiếp tục trả lãi tới ngày xét xử. Tổng cộng gốc và lãi là 362.179.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ch và ông Phùng Văn H trình bày: Vào năm 2013 vợ chồng bà Ch có vay của bà C số tiền 100.000.000đ thời hạn trả tiền chỉ nói khi nào vợ chồng ông bà làm ăn được thì sẽ trả lại cho bà C, lãi suất thỏa thuận là 40.000đ/1.000.000đ/1 tháng, mục đích vay để hùn tiền làm Kobe, bà Ch trực tiếp nhận tiền của bà C. Sau khi vay tiền bà Ch có trả lãi cho bà C được 06 năm mỗi tháng trả 4.000.000đ số tiền là 288.000.000đ, khi trả lãi không làm giấy tờ do bà C là cháu ruột ông H nên tin tưởng, từ đầu năm 2020 đến nay thì ngưng không trả lãi cho bà C do không có khả năng. Đến ngày 28/12/2016 (al) thì bà C đến nhà bà Ch đòi 100.000.000đ nhưng khi đó do bà làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả tiền cho bà C nên các bên thống nhất thỏa thuận tiền nợ bà C tính đến ngày 28/12/2016 (al) là 175.000.000đ, khi thỏa thuận có lập giấy thỏa thuận đề ngày 28/12/2016 (al), lãi suất không ghi trong giấy tay thỏa thuận nhưng thỏa thuận miệng là 40.000đ/1.000.000đ/1 tháng, thời hạn trả tiền là một năm kể từ ngày 28/12/2016 (al). Bà Ch thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy thỏa thuận là của bà và ông H. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà C bà đồng ý liên đới với ông H trả cho bà C số tiền gốc vay là 175.000.000đ, không đồng ý trả lãi cho bà C vì trước đó đã trả lãi cho bà C số tiền 288.000.000đ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin bà C cho vợ chồng bà trả dần số tiền 175.000.000đ, mỗi tháng trả 4.000.000đ bắt đầu từ tháng 06/2022 đến khi trả hết số tiền nợ. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do đương sự vắng mặt. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xác định 175.000.000đ là nợ gốc do giữa bà C và bà Ch ông H thỏa thuận nên mới viết giấy vay nợ, đối với yêu cầu trả lãi bà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 0.83%/tháng.

Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 175.000.000đ nhưng xin trả dần hàng tháng. Trường hợp phải trả lãi từ ngày ký giấy vay tiền tới ngày xét xử thì bà Ch yêu cầu khấu trừ số tiền 288.000.000đ tiền lãi bà đã trả cho bà C vào số tiền lãi còn phải trả.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào để xem xét tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng

đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Phùng Thị Kim C khởi kiện bà Nguyễn Thị Ch và ông Phùng Văn H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Ch ông H cư trú tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C thấy rằng:

Bà C khởi kiện bà Ch ông H số tiền 175.000.000đ và cung cấp giấy nhận tiền ghi ngày 28/12/2016 (AL).

Xét giấy mượn tiền ghi ngày 28/12/2016 (AL) tức ngày 25/01/2017 (DL) do bà C cung cấp thể hiện bà C có cho bà Ch ông H vay số tiền 175.000.000đ, hạn trả nợ là ngày 28/12/2020 (Al) tức ngày 09/02/2021. Tại phiên tòa bà Ch thừa nhận giấy mượn tiền ghi ngày 28/12/2016 (AL) do bà và ông H trực tiếp ký tên. Bà thừa nhận có vay của bà C số tiền 175.000.000đ nhưng xin trả dần hàng tháng. Xét thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn, tới hạn bà Ch ông H không trả cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở và được chấp nhận. Buộc bà Ch ông H phải trả cho bà C số tiền gốc vay là 175.000.000đ.

Về yêu cầu tiền lãi: Tại đơn khởi kiện bà C yêu cầu tính lãi 1.66%/tháng từ ngày vay 25/01/2017 tới ngày xét xử. Xét thấy đây là hợp đồng vay có hạn trả. Bà Ch thừa nhận lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Bà C cho rằng lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Như vậy, các đương sự không thống nhất về lãi suất thỏa thuận. Tại phiên tòa bà C chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0.83%/tháng từ ngày vay tới ngày xét xử là phù hợp nên được chấp nhận. Lãi được tính như sau: 175.000.000đ X 0.83%/tháng X 66 tháng 10 ngày = 96.349.167đ.

Xét ý kiến yêu cầu khấu trừ số tiền lãi 288.000.000đ vào khoản tiền lãi phải trả từ ngày vay 25/01/2017 tới ngày xét xử của bà Ch thấy rằng: Bà Ch cho rằng đã trả lãi cho bà C số tiền 288.000.000đ nhưng không được bà C thừa nhận. Bà Ch trình bày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, yêu cầu khấu trừ của bà Ch không được chấp nhận.

Về yêu cầu xin trả dân: Do pháp luật không quy định việc trả dân. Tại phiên tòa bà C không đồng ý cho trả dân do đó buộc bà Ch ông H phải trả một lần hết số nợ.

[3]. Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà Ch ông H phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều: 35, 39, 217, 219, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Kim C đối với bà Nguyễn Thị Ch và ông Phùng Văn H về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ch và ông Phùng Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phùng Thị Kim C tổng số tiền là 271.349.167 đồng, trong đó tiền vốn vay là 175.000.000 đồng, tiền lãi là 96.349.167 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng, bà Ch ông H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ch và ông H liên đới chịu 13.567.000 đồng (đã làm tròn). Hoàn trả cho bà C số tiền 9.055.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002462 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

3. Án này xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2022).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương